

Khả năng đánh bắt ngày càng phát triển của Trung Quốc dẫn tới tình trạng suy thoái môi trường biển. Tuy nhiên, nghề cá trở thành một thành tố quan trọng trong yêu sách chủ quyền vùng biển của Trung Quốc. Các khái niệm như chủ quyền, quyền lãnh thổ và quyền đánh bắt nên ý rằng rằng nghề cá trở thành một lĩnh vực “chủ quyền hoá”.



Từ sau cải cách, ngành công nghiệp đánh bắt Trung Quốc đã có những bước phát triển mới. Khả năng đánh bắt ngày càng phát triển của Trung Quốc dẫn tới tình trạng suy thoái môi trường biển. Tuy nhiên, nghề cá trở thành một thành tố quan trọng trong yêu sách chủ quyền vùng biển của Trung Quốc. Các khái niệm như chủ quyền, quyền lãnh thổ và quyền đánh bắt nên ý rằng rằng nghề cá trở thành một lĩnh vực “chủ quyền hoá”. Việc quản lý nghề cá thành công công là một chủ đề đánh giá sự hiệu quả của các quốc gia khi thực hiện hai khía cạnh của chủ quyền nội bộ - quản trị nội bộ hiệu quả và sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh

ṭ. Ṣ kịn ḷch ṣ vào nḥng ṇm 1930 cḥ ra ṛng
ngḥ
cá ṭ lâu đã đ̣c xem là ỵu ṭ c̣u thành
quan tṛng
trong vịc tḥc thi cḥ quỵn c̣a Trung Qục.
Tuy nhiên
, phán quỵt c̣a Toà Tṛng tài trong ṿ kịn Bịn òng
đã bác ḅ hoàn toàn
ḷp lụn ṿ quỵn ḷch ṣ c̣a Trung Qục, trong đó
ngḥ cá
là ṃt thành ṭ quan tṛng, Trung Qục c̣n pḥi
địu cḥnh ḷi
quỵn đánh
ḅt
và các ỵu sách vùng bịn
c̣a mình
.

ṬNG QUAN

ánh ḅt là truỵn tḥng lâu đ̣i ò khu ṿc vùng bịn tịp giáp Trung Qục. Ṭng
tṛng kinh ṭ nhanh nḥ c̣i cách kinh
ṭ c̣a Trung Qục cụi nḥng ṇm 1970
đã
ḥ tṛ cho phát trịn
đ̣t
ṇc.
Khi xã ḥi
Trung Qục
tṛ nên giàu có
, nhu c̣u tiêu tḥ ḥi ṣn c̣ng ṭng, ṭ đó khuỵn khích ṣ phát trịn c̣a các
ngành công nghịp liên quan c̣ng nḥ ṭng c̣ng nḥp kḥu và xụt kḥu các ṣn
pḥm ḥi ṣn. Vịc gia ṭng tiêu tḥ kéo theo ṣ suy gịm tài nguyên ò các vùng
bịn c̣a Trung Qục. Tình tṛng ô nhịm vùng bịn ṇng ṇ và đánh
ḅt
quá ṃc c̣ng tác đ̣ng ṭi vịc khai thác ngụn ḷi thụ ṣn và ònh ḥng ṭi các
vùng bịn sâu ḥn. Ṃt lọt nḥng thách tḥc, c̣ tḥ là đánh ḅt cá quá ṃc, ô
nhiêm môi tṛng, đánh ḅt cá trái phép và không đ̣c pháp lụt cho phép (hành
vi đánh ḅt cá
ḅt ḥp pháp
và không
theo quy đ̣nh

; đánh bắt cá

hợp pháp

những số đông các phương thức đánh bắt mang tính chất huỷ diệt) và

xung đột giữa ngư dân và các cơ quan chấp pháp nước ngoài càng khi môi trường biển suy thoái.

Vì trữ lượng cá bị giảm sút, các ngư dân không có lựa chọn nào khác là đi đánh bắt cá ở vùng biển sâu, là nơi các quốc gia có các yêu sách vùng đặc quyền kinh tế chồng lấn.

Vì biên giới trên biển vẫn chưa được giới quy định và

các chính sách

quản lý

lỗi

không

có sự

phối hợp, sự an toàn của các ngư dân

đang

bị đe dọa. Sự chồng lấn các vùng việc liên quan đến nghề cá

ngày càng gia tăng đã bộc lộ rõ

những khái niệm của Trung Quốc về chủ quyền, quyền lãnh thổ và quyền đánh bắt

cá. Mặc dù có những quan ngại về sinh thái và kinh tế, nghề cá đang trở thành “chủ

quyền hoá” – có nghĩa là quyền đánh bắt cá là không thể đàm phán và trong một

số trường hợp, đây là thành tố cấu thành yêu sách chủ quyền. Xu hướng này có thể

hoá luận điểm cho rằng khái niệm “chủ quyền” đang trải qua quá trình

tái

định hình với việc hợp nhất một số hoạt động dân sự được thực hiện

trên

lâu nay đánh bắt cá.

Bài viết này nhằm mục đích đánh giá vai trò của nghề cá trong bối cảnh đang thay

đổi ở Đông Á, thông qua việc tập trung phân tích thực tiễn, quy chế quản lý nghề cá

của Trung Quốc và mối quan hệ giữa chủ quyền và nghề cá. Mục đầu tiên đưa ra

tình quan về các vấn đề nghề cá, trong đó có tình trạng trữ lượng hiện nay ở khu

vực Đông Á. Mục tiếp theo cập nhật các dữ kiện tăng trưởng nhanh của ngành đánh bắt

cá Trung Quốc và các vấn đề liên quan quản lý nghề cá ở Trung Quốc. Mục tiếp

theo đánh giá mối tương tác giữa hoạt động đánh bắt cá và “chủ quyền”,

cụ thể cùng là phần kết luận và nhận xét.

NGHỀ CÁ Ở ĐÔNG Á

Nguồn tài nguyên cá suy giảm nhanh chóng

Cá biển là một nguồn cung cấp protein quan trọng trong tiêu thụ thực phẩm của cư dân sống tại vùng Đông Á – theo thống kê mới người dân tiêu thụ 22 kg cá mỗi năm. [\[1\]](#)

Người lái, từ là tiêu thụ cá biển tính theo đầu người của các khu vực khác trên thế giới chỉ là 16

kg/
năm.

[\[2\]](#)

Số lượng đánh bắt cá của Trung Quốc đang ở giai đoạn quy mô định khi nguồn tài nguyên cá ở các vùng biển tiếp giáp đã bị khai thác quá mức hoặc đã bị suy giảm. Rất nhiều

nhân tố góp phần vào hậu quả thảm thối này, đứng đầu bảng là tình trạng đánh bắt cá quá mức, khai thác quá mức tài nguyên biển và ô nhiễm môi trường biển.

Số lượng cá được đánh bắt tăng nhanh ở vùng biển giáp ranh Trung Quốc cho thấy số lượng cá được tiêu thụ lớn chưa từng có. Chẳng hạn, tổng số lượng cá biển được đánh bắt vào năm 2009 là 11.786.109 tấn, tăng 2,5% so với tổng số lượng cá được đánh bắt vào năm 2008. [\[3\]](#)

Trong ba vùng được xem là ngư trường truyền thống của Trung Quốc, Biển Hoa Đông có số lượng đánh bắt cá lớn nhất, tiếp đến là biển Hoàng Hải. Biển Đông xếp thứ ba khi

số lượng đánh bắt cá thấp hơn các khu vực trên. Tuy nhiên, mức độ đánh bắt cá tại ba vùng này vẫn tiếp tục tăng cao, trong đó Biển Đông

vẫn

mức tăng thấp nhất là 0,4%.

[\[4\]](#)

Loại cá suy giảm khiến một số ngư dân thực hiện những hành vi đánh bắt cá huỷ diệt nhằm thu bắt được nhiều cá hơn

trong thời gian ngắn. Đồ lưới đánh bắt hải sản trong những năm gần đây cho thấy rỗng, nếu không ngừng và mức tiêu đánh bắt không giảm,

số lượng đánh bắt cá sẽ

suy

giảm trong những năm tới đây. Tuy nhiên, một cơn trỗi dậy

đang diễn ra

những nỗ lực của chính phủ Trung Quốc trong việc giảm thiểu khai thác đánh bắt cá là hậu quả các hoạt động đánh bắt cá diễn ra ở quy mô nhỏ, phần lớn các ngư dân

pḥ thục ṛt nhịu vào đánh ḅt đ̣ ṃu sinh. Do đó, khi ṇ ḷc tái c̣ c̣u ngành ṣn xụt thụ ḥi ṣn c̣a c̣ ṇc

Chính pḥ Trung Qục c̣n đ̣a ra nhịu cḥng trình ḥ tṛ kinh ṭ và đ̣i ṣng xã ḥi thay tḥ cho các ng̣ dân này.

Bên c̣nh tình tṛng khai thác quá ṃc ngụn tài nguyên bịn, suy thoái môi tṛng (bao g̣m ô nhịm bịn và xây đ̣ng ven bịn) c̣ng là ṃt ṃi đe dọ đáng ḳ đ̣i ṿi các vùng bịn giáp ranh Trung Qục. Ṃi đe dọ đó có tḥ x̣y ra ̣ vùng ṇc ṃn ṇi c̣a sông, ṿn đ̣c coi là nḥng ṇi có ṇng sụt đánh ḅt cá cao và là ṇi các loài sinh ṿt bịn đ̣ tṛng và đ̣c nụi tṛng. Môi tṛng bịn suy thoái c̣ng đ̣ ṇng lên nḥng ṇ ḷc qụn lý ngụn cá c̣a Trung Qục

Các hành vi đánh ḅt cá ḅt ḥp pháp, không đ̣c báo cáo, không theo quy đ̣nh (IUU)

Các hành vi đánh ḅt cá ḅt ḥp pháp, không đ̣c báo cáo, không theo quy đ̣nh (IUU) gây khó kḥn cho nḥng ṇ ḷc ̣ c̣p đ̣ toàn c̣u trong vịc ḅo ṭn và qụn lý tài nguyên cá. Bên c̣nh đó, tình tṛng đánh ḅt cá IUU và ṇn c̣p bịn ngày càng nhịu trên tḥ gịi đã đ̣t ra nhịu thách tḥc to ḷn ṭi an ninh hàng ḥi c̣a các tàu đánh ḅt cá thông tḥng và tàu tḥng ṃi. ̣nh ngḥa c̣a hành vi đánh ḅt cá IUU đã đ̣c Ṭ cḥc Ḷng tḥc và Nông nghịp c̣a Liên Ḥp Qục ban hành và thông qua trong Cḥng trình hành đ̣ng qục ṭ nḥm phòng ng̣a, ng̣n cḥn và lọi tṛ các hành vi đánh ḅt cá

ḅt ḥp pháp
, không đ̣c
báo cáo
và không
theo
quy đ̣nh.

[\[5\]](#)

Trong ḅi c̣nh ṛt khó đ̣ thu tḥp con ṣ chính xác làm ḅng cḥng xác tḥc, các hành vi IUU tḥc ṣ tṛ thành ṃt ṃi đe dọ to ḷn khịn ngụn tài nguyên cá ngày càng gịm sút, nḥt là ̣ các vùng bịn giáp ranh ṿi các ṇn kinh ṭ đ̣ng phát trịn. ̣ châu Á, có ṭng đ̣i ít các ṿ vịc đánh ḅt cá kịu IUU đ̣c

phát hiện

. Thay vào đó, vãn đđ nghiêm trọng

ở khu vực này đó là

việc sử dụng các thiết bị

khai thác

trái phép. Phấn lln các vđ đánh bắt cá IUU đđc thực hiện ở khu vực Đông Nam Á và Tây Bắc Thái Bình Dương.

[\[6\]](#)

Khó có thể xác định các hành vi đánh bắt cá IUU ở Đông Á vì chưa
giới quyết đđc vãn đđ biên giới trên biển, do đó, việc áp dụng đđnh
nghĩa vđ đánh bắt cá IUU nhđ hiện nay đđt ra nhiều thách thức. Tại biển Hoa Đông
nđi Trung Quốc và Nhật Bản có yêu sách vùng đđc quyền kinh tế chồng lln, vãn
còn một vài khu vực là vùng biển quốc tế, đđ
đđ di đđ ra nhiều hoạt đđng đánh bắt cá IUU.

[\[7\]](#)

Do tình hình tranh chấp lãnh thổ ở đđo Okinawa/Sensaku di đđ ra tđ lâu và quân đđi
Mđ đóng quân trên đđo Okinawa, biển Hoa Đông luôn thđng xuyên đđc đđt đđđi
sđ giám sát chặt chẽ tđ phía Trung Quốc, Nhật Bản và quân đđi Mđ. Do đó, các
hành vi đánh bắt cá IUU hi đđm xảy ra ở vùng biển Hoa Đông.

Nếu cả ba vãn đđ đánh bắt cá bất hợp pháp, vãn tđi đđng biển và tranh chấp lãnh
thổ đđc xem xét cùng lúc, chúng sđ

làm lu mờ vãn đđ

qu

qu lý ngu đđi hđi sđn tđi Đông Á. Ba vãn đđ hóc búa đó

cđng làm lu mờ một vãn đđ đang nđi lên, đó là

an toàn của các tàu đánh bắt cá dân sđ. Hiện nay, tính phđc tđp của việc quản lý

ngđ cá tđi Đông Á đòi hđi nđ lđc

thđng nhđt

hđn ở cả cấp đđ quốc gia và đđa phđng.

Trung Quốc là nhân tđ tác đđng quan trọng trong cđnh tranh ngu đđi hđi sđn
trong khu vực. Cùng vđi chính sách mđ của, ngành đánh bắt cá Trung Quốc đã có
mđc tđng trđng của tđng có và do đó đóng mđt vai trò và đđnh hđng nhđt đđnh
trong nđn kinh tế. Tuy nhiên, đđu này cđng khi đđn mđi quan hđ giđa
ngđ

cá và các yêu sách chđ quyền vùng biển của Trung Quốc trđ nên phđc tđp hđn.

NGÀNH CÔNG NGHIỆP ĐÁNH BẮT CÁ TRUNG QUỐC

Phát triõn mõi nhõ sau nhõng nõm 1980

Sau chính sách cõi cách và mõi cõa vào cuõi nhõng nõm 1970 , ngành đánh bõt cá cõa Trung Quõc đã phát triõn

ngoõn mõi. Sõn lõõng đánh bõt cá hàng nõm tõng hõn 11 lõn, tõ 4,7 triõu tõn vào nõm 1978 lên 53,7 triõu tõn vào nõm 2010 (Biõu đõ 1).

[\[8\]](#)

Tõ lõ tõng trõõng hàng nõm trung bình đõt mõi 8% mõi nõm,

[\[9\]](#)

või trên 1 triõu tàu cá, trong đó có gõn 1

900 tàu đánh bõt cá xa bõ.

[\[10\]](#)

....

õõc toàn bõ bõn dõch [tõi đây](#) .

Katherine Tseng Hui-Yi (eaithy@nus.edu.sg) là Nghiên cõu viên cao cõp tõi Viõn õõng Á, õõi hõc Quõc gia Singapore. Bà đã hoàn thành khoá đào tõo Tõn sõ khoa hõc pháp lý tõi õõi hõc Wisconsin-Madison. Chõ đõ nghiên cõu cõa bà là giõi quyõt tranh chõp thõõng mõi quõc tõ tõi Tõ chõc thõõng mõi quõc tõ, quõn lý khõng hoõng và giõi quyõt tranh chõp trên biõn tõi khu võc õõng Á.

Bài viõt đõõc đõng trên [China: An International Journal, 2017](#)

Hõõng Anh (dõch)

Trĩn Quang (hiũu đĩnh)

Bài dũch thuĩc bĩn quyĩn Nghiĩn cũu Biĩn ỹĩng. ỹỹ nghĩ chĩ đũũc dũũn đũũng link, khĩng đũũng lĩĩ khi chĩa cĩ sũ đũũng ỹ cĩa Ban Biĩn tũũp.

[1] Will Rogers, “The Role of Natural Resources in the South China Sea”, trong “Cooperation from Strength: The United States, China and the South China Sea”, ed. Patrick Cronin (Washington, DC: Center for a New American Security, Tháng 1/2012), tr. 85–99, đũũc biũũt là tr. 90; Ralf Emmers, “Resource Management in the South China Sea: An Unlikely Scenario”, Tham luũũn giũũi thiũũu tũũi Hũũi thũũo “Recent Development of the South China Sea Dispute and Prospects of Joint Development Regimes”, 6–7/12/2012, Hũũi Khũũu, tr. 3.

[2] Rogers, “The Role of Natural Resources in the South China Sea”, tr. 90; Emmers, “Resource Management in the South China Sea: an Unlikely Scenario”, tr. 3. ỹ

[3] Lyle J. Goldstein, “Chinese Fisheries Enforcement: Environmental and Strategic Implications”, *Marine Policy* 40 (2013): 187–93, đũũc biũũt là tr. 189; Fisheries Administrative Bureau, Ministry of Agriculture, *China Fishery Statistics Yearbook (2010)* (Beijing: China Agriculture Press, 2010), tr. 186–8.

[4] Goldstein, “Chinese Fisheries Enforcement”, tr. 189. ỹ

[5] Frank Meere và Mary Lack, eds., *Assessment of Impacts of Illegal, Unreported and Unregulated (IUU) Fishing in the Asia-Pacific*, Sustainable Fisheries Management, Asia-Pacific Economic Cooperation Fisheries Working Group, tr. 5.

ỹ

[6] Ba đĩa điĩm trong khu vĩc này xĩy ra thĩĩng xuyên nhĩt các hoĩt đng đánh bĩt cá IUUU là biĩn Sulawesi, bĩ biĩn phía ỹng cĩa bán đĩo Malaysia và Biĩn ỹng.

[7] Các hoĩt đng đánh bĩt cá IUU có thĩ đĩĩc tiĩn hành ỹ các vùng đĩc quyĩn kinh tĩ, vùng biĩn quĩc tĩ và vùng biĩn mà ỹ đĩ không có các biĩn pháp quĩn lý hiĩu quĩ. ỹ các vùng đĩc quyĩn kinh tĩ, khĩ nĩng kiĩm tra, giĩm sát cĩa các quĩc gia ven biĩn là nhĩng yĩu tĩ cĩt lỗi đĩm bĩo cho sũ hiĩu quĩ cĩa quĩn lý.

[8] Zhang Hongzhou, “China’s Evolving Fishing Industry: Implications for Regional and Global Maritime Security”, S. Rajaratnam School of International Studies, Working Paper sũ. 246, 16/8/2012, tr. 3.

[9] Zhang, “China’s Evolving Fishing Industry”, tr. 3.

[10] Roland Blomeyer, Ian Goulding, Daniel Pauly, Antonio Sanz and Kim Stobberup, “The Role of China in World Fisheries”, Policy Department B: Structural and Cohesion Policies, European Parliament Directorate General for Internal Policies, Brussels, Tháng 6/2012, tr. 12.